

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHÂU THÀNH-
TỈNH KIÊN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập- Tự do- Hạnh phúc**

Bản án số: 10/2023/DS-ST

Ngày: 07/3/2023

Về việc: “Tranh chấp về hợp đồng dân sự”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH, TỈNH KIÊN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Bà Hoàng Thị Thu Hương

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Thành Thái

2. Ông Huỳnh Quốc Diện

- Thư ký phiên tòa: Bà Phan Thị Quyên- Thư ký Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang tham gia phiên tòa: Ông Lê Quốc Thắng - Kiểm sát viên.

Ngày 07 tháng 3 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 217/2022/TLST- DS, ngày 30 tháng 11 năm 2022 về tranh chấp “Hợp đồng dân sự góp họ” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 12/2023/QĐXX-ST, ngày 13 tháng 02 năm 2023 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà **Trương Thị N**, sinh năm 1957

Địa chỉ: Số 34, tổ 2, ấp A, xã V, huyện C, tỉnh K.

2. *Bị đơn:* Bà **Ngô Thị T**, sinh năm 1987

Địa chỉ: Ấp V, xã V, huyện C, tỉnh K.

(Tại phiên tòa, bà Trương Thị N có mặt, bà Ngô Thị T vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo nội dung đơn khởi kiện đề ngày 28/11/2022, bản tự khai của nguyên đơn Trương Thị N, biên bản lấy lời khai bà Ngô Thị T ngày 14/02/2023, nội dung biên bản không hòa giải được ngày 31/01/2023, hồ sơ vụ án, vụ án có nội dung như sau:

* Bà Trương Thị N trình bày:

Vào năm 2019, tôi có làm chủ hội, trong đó có dây hội áp vào ngày 25 tháng 6 âm lịch, hội chết có số tiền phải đóng là 500.000 đồng/tuần, mỗi tuần xổ 01 lần, có 60 chân hội, dây hội này được hoạt động theo hình thức hội viên nào bỏ hội cao thì sẽ được hốt hội và sau khi hốt hội thì hội viên đã hốt hội phải đóng hội chết cho chủ hội đến khi mãn hội, dây hội này đã mãn vào ngày 29/4/2020 âm lịch; bà Ngô Thị T tham gia 01 chân hội, bà T đã hốt hội xong, sau khi hốt hội xong thì bà T có

đóng hụi chết cho tôi nhưng chưa đủ và còn nợ tôi số tiền hụi chết của dây hụi này là 11.000.000đ (Mười một triệu đồng).

Vào ngày 25/4/2020 âm lịch, tôi có áp tiếp một dây hụi nữa, hụi chết có số tiền phải đóng là 300.000 đồng/tuần, mỗi tuần xổ 01 lần, có 43 chân hụi, dây hụi này được hoạt động theo hình thức hụi viên nào bỏ hụi cao thì sẽ được hốt hụi và sau khi hốt hụi thì hụi viên đã hốt hụi phải đóng hụi chết cho chủ hụi đến khi mãn hụi, dây hụi này đã mãn vào ngày 25/6/2021 âm lịch; bà Ngô Thị T tham gia 01 chân hụi, bà T đã hốt hụi xong, sau khi hốt hụi xong thì bà T có đóng hụi chết cho tôi nhưng chưa đủ và còn nợ tôi số tiền hụi chết của dây hụi này là 12.300.000đ (Mười hai triệu ba trăm ngàn đồng).

Ngày 20/4/2022, tại ấp Vĩnh Hòa 1 thì tôi và bà T thống nhất là bà T còn nợ tôi tổng số tiền hụi là 20.000.000 đồng, bà Tuyền xin trả góp cho tôi mỗi tháng là 600.000 đồng, bắt đầu trả từ tháng 5/2022 nhưng bà T không thực hiện theo thỏa thuận mà chỉ trả góp cho tôi được tổng số tiền là 110.000 đồng.

Tôi yêu cầu bà Ngô Thị T phải hoàn trả cho tôi số tiền hụi còn nợ là 19.890.000đ (Mười chín triệu tám trăm chín mươi ngàn đồng).

* Tại biên bản lấy lời khai ngày 14/02/2023, bà Ngô Thị T trình bày:

Tôi thừa nhận tôi có vô dây hụi 500.000 đồng/tuần do bà Trương Thị N làm chủ hụi, dây hụi này áp vào ngày, tháng, năm nào thì tôi không nhớ, sau khi hốt hụi thì tôi có đóng tiền hụi chết cho bà N nhưng không đủ nên còn thiếu lại bà Nga số tiền hụi chết của dây hụi này là 11.000.000 đồng. Sau đó, tôi có vô dây hụi 300.000 đồng/tuần cũng do bà Trương Thị N làm chủ hụi, dây hụi này áp vào ngày, tháng, năm nào thì tôi cũng không nhớ, tôi đã hốt hụi xong và tôi đã trả hết cho bà Nga số tiền hụi còn thiếu của dây hụi 500.000 đồng/tuần, tôi chỉ còn nợ lại bà Nga số tiền hụi là 11.000.000 đồng. Sau đó, tôi có vay của bà N số tiền 5.000.000 đồng, vay trả góp, tôi có đóng tiền góp cho bà N, có lần 100.000 đồng, có lần 40.000 đồng. Tôi chỉ còn nợ bà N tổng số tiền hụi và tiền vay là 13.000.000 đồng nhưng tôi không có giấy tờ gì để chứng minh. Tại buổi hòa giải ở ấp Vĩnh Hòa 1 ngày 20/4/2022, tôi thống nhất là hiện nay tôi còn nợ bà N tổng số tiền hụi của hai dây hụi nêu trên là 20.000.000 đồng và tôi xin được trả dần số nợ này.

* Tại phiên tòa, bà Trương Thị N yêu cầu bà Ngô Thị T phải hoàn trả cho bà Trương Thị N số tiền hụi còn nợ là 19.890.000đ (Mười chín triệu tám trăm chín mươi ngàn đồng); không yêu cầu chồng của bà Ngô Thị T phải có trách nhiệm cùng với bà Ngô Thị T trả nợ cho bà Trương Thị N.

* Ý kiến của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa: Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đúng theo trình tự thủ tục pháp luật tố tụng quy định. Đồng thời, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của bà Trương Thị N.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được kiểm tra, xem xét tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của Kiểm sát viên, các quy định của pháp luật và nghị án, Tòa án nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

1.1. Về thẩm quyền, quan hệ tranh chấp: Do phát sinh tranh chấp trong việc thanh toán tiền góp họ (hụi) nên bà Trương Thị N khởi kiện bà Ngô Thị T tại Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang vào ngày 28/11/2022; bà Ngô Thị T có hộ khẩu thường trú và hiện nay vẫn cư trú tại ấp V, xã V, huyện C, tỉnh K. Trong quá trình Tòa án giải quyết vụ án, bà Ngô Thị T không có yêu cầu phản tố. Do đó, đây là vụ án “Tranh chấp về hợp đồng dân sự góp họ” thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang theo các quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015 **và Điều 471 của Bộ luật dân sự năm 2015.**

1.2. Về việc vắng mặt bà Ngô Thị T tại phiên tòa: Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang đã tổng đạt Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 12/2023/QĐXXST-DS, ngày 13/2/2023 cho bà Ngô Thị T theo quy định của pháp luật, bà Ngô Thị T có đơn yêu cầu giải quyết, xét xử vắng mặt đề ngày 14/02/2023 (BL 55), được sự thống nhất của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa và bà Trương Thị N, Tòa án tiến hành xét xử vụ án vắng mặt bà Ngô Thị T theo quy định tại khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về nội dung: Xét yêu cầu khởi kiện của bà Trương Thị N:

Tại biên bản lấy lời khai ngày 14/02/2023 (BL 47), bà Ngô Thị T thừa nhận là bà T có tham gia dây hụi 500.000 đồng/tuần và dây hụi 300.000 đồng/tuần do bà Trương Thị N làm chủ hụi và tại buổi hòa giải ở ấp Vĩnh Hòa 1 ngày 20/4/2022, bà T thống nhất là hiện nay bà T còn nợ bà N tổng số tiền hụi của hai dây hụi nêu trên là 20.000.000 đồng và xin được trả dần số nợ này.

Sự thừa nhận của bà Ngô Thị T phù hợp với lời trình bày nêu trên của bà Trương Thị N, các văn bản hòa giải tại ấp Vĩnh Hòa 1 vào ngày 20/4/2022 (BL 03, 04).

Tại phiên tòa, bà Trương Thị N yêu cầu bà Ngô Thị T phải hoàn trả cho bà Trương Thị N số tiền hụi còn nợ là 19.890.000đ (Mười chín triệu tám trăm chín mươi ngàn đồng). Căn cứ vào Điều 471, khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015; các Điều 16, 17, 18, 21, khoản 2 Điều 22, Điều 24, khoản 1 Điều 25, khoản 1 Điều 26 của Nghị định 19/2019/NĐ-CP ngày 19/02/2019 của Chính phủ về họ, hụi, biếu, phượng, Tòa án buộc bà Ngô Thị T phải có nghĩa vụ hoàn trả cho bà Trương Thị N tổng số tiền hụi của các dây hụi áp vào các ngày 25/6/2019 âm lịch, 25/4/2020 âm lịch là 19.890.000đ (Mười chín triệu tám trăm chín mươi ngàn đồng).

Việc bà Ngô Thị T thanh toán số tiền nêu trên cho bà Trương Thị N như thế nào thì thuộc thẩm quyền của cơ quan Thi hành án khi bản án có hiệu lực pháp luật.

[3] Về án phí:

Theo quy định tại Điều 147 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015; **điểm d khoản 1 Điều 12, Điều 14, khoản 2 Điều 26** của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; điểm b Tiêu mục 1.3, Mục 1, Phần II của Danh mục án phí thuộc Danh mục án phí, lệ phí Tòa án ban hành kèm theo Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016,

Tòa án buộc bà Ngô Thị T phải có nghĩa vụ nộp số tiền án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch là: 19.890.000 đồng x 5% = 994.500đ (Chín trăm chín mươi bốn ngàn năm trăm đồng).

Bà Trương Thị N thuộc diện người cao tuổi và bà Trương Thị N có đơn xin miễn nộp tiền tạm ứng án phí sơ thẩm, có đơn xin miễn tiền án phí dân sự sơ thẩm (BL 17, 31) nên bà Trương Thị N được miễn toàn bộ tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm và miễn toàn bộ tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228, các Điều 266, 271, 273, 278, 280 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015; Điều 471, khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015; các Điều 16, 17, 18, 21, khoản 2 Điều 22, Điều 24, khoản 1 Điều 25, khoản 1 Điều 26 của Nghị định 19/2019/NĐ-CP ngày 19/02/2019 của Chính phủ về hộ, họ, biếu, phườg; điểđ đ kỏản 1 Điềđ 12, Điềđ 14, kỏản 2 Điềđ 26 củả Nghị quyếđ số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 củả Ủy ban Thườg vụ Quốđ hợi quy điệđ về mứđ thu, miễđ, giẩđ, thu, nộđ, quẩđ lý và sử dụđ án phí và lệ phí Tòa án; điểđ b Tiểđ mục 1.3, Mục 1, Phần II củả Danh mục án phí thuộc Danh mục án phí, lệ phí Toà án ban hành kèm theo Nghị quyếđ số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016

Xử:

1- Buộc bà Ngô Thị T phải có nghĩa vụ hoàn trả cho bà Trương Thị N tổng số tiền hui của các dây hui áp vào các ngày 25/6/2019 âm lịch, 25/4/2020 âm lịch là 19.890.000đ (Mười chín triệu tám trăm chín mươi ngàn đồng).

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu người phải thi hành án không hoàn trả hoặc hoàn trả không đủ số tiền nêu trên cho người được thi hành án, thì người phải thi hành án còn phải trả cho người được thi hành

án khoản tiền lãi theo lãi suất được quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015 tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án.

2- Về án phí:

Buộc bà Ngô Thị T phải có nghĩa vụ nộp số tiền án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch là 994.500đ (Chín trăm chín mươi bốn ngàn năm trăm đồng).

Bà Trương Thị N được miễn toàn bộ tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm và miễn toàn bộ tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

3- Về quyền kháng cáo: Bà Trương Thị N có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày Tòa án tuyên án (07/3/2023); bà Ngô Thị T có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được Bản án hoặc được niêm yết, tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Kiên Giang;
- VKSND tỉnh Kiên Giang;
- VKSND huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang;
- Chi cục THADS h Châu Thành, KG (khi án có hpl);
- Các đ-ơng sự;
- L- u hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Hoàng Thị Thu Hương